

Hà Nội, ngày **23** tháng **12** năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học, Thủ trưởng các Vụ, Cục, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- Website Bộ GDĐT;
- Lưu VT, PC, GDTrH.

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỦ TRƯỞNG**  
  
Nguyễn Vinh Hiền

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG  
QUẢN LÝ CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 6154 /QĐ-BGDĐT ngày 23 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
<b>A. TTHC cấp Trung ương</b>			
1	Công nhận tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	Giáo dục và Đào tạo	Cấp TW
<b>B. TTHC cấp tỉnh</b>			
2	Công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	Giáo dục và Đào tạo	Cấp tỉnh
<b>C. TTHC cấp huyện</b>			
3	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	Giáo dục và Đào tạo	Cấp huyện

**PHẦN II: NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

**I. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo**

**1. Công nhận tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ**

**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Đơn vị cấp tỉnh lập hồ sơ đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) kiểm tra công nhận tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

- **Bước 2:** Bộ GDĐT xem xét hồ sơ và kiểm tra đơn vị cấp tỉnh.

- **Bước 3:** Bộ GDĐT ra quyết định công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ đối với tỉnh nếu đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị định số 20/2014/NĐ-CP.

**b) Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước hoặc thông qua hệ thống bưu điện.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- **Thành phần hồ sơ:**

+ Báo cáo quá trình thực hiện và kết quả phổ cập giáo dục hoặc xóa mù chữ kèm theo các biểu thống kê.

+ Biên bản kiểm tra phổ cập giáo dục hoặc xóa mù chữ của tỉnh đối với huyện.

+ Quyết định công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục hoặc xóa mù chữ.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** UBND cấp tỉnh

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Bộ GDĐT.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ đối với tỉnh.

**h) Lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Có 100% số huyện được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi;

- Có 100% số huyện được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 1;

- Có 100% số huyện được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2;

- Có 100% số huyện được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3.

- Có 100% số huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 1.

- Có 100% số huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2.

- Có 100% số huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3.

- Có ít nhất 90% số huyện được công nhận đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1.

- Có 100% số huyện được công nhận đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

## **2. Công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ**

**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Đơn vị cấp huyện lập hồ sơ đề nghị UBND cấp tỉnh kiểm tra công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

- **Bước 2:** UBND cấp tỉnh xem xét hồ sơ và kiểm tra đơn vị cấp huyện.

- **Bước 3:** UBND cấp tỉnh ra quyết định công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ đối với huyện nếu đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị định số 20/2014/NĐ-CP.

**b) Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước *hoặc thông qua hệ thống bưu điện.*

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- **Thành phần hồ sơ:**

+ Báo cáo quá trình thực hiện và kết quả phổ cập giáo dục hoặc xóa mù chữ kèm theo các biểu thống kê.

+ Biên bản kiểm tra phổ cập giáo dục hoặc xóa mù chữ của huyện đối với xã.

+ Quyết định công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục hoặc xóa mù chữ.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** UBND cấp huyện

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** UBND cấp tỉnh.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ đối với huyện.

**h) Lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Có ít nhất 90% số xã được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

- Có ít nhất 90% số xã được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 1.

- Có ít nhất 90% số xã được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2.

- Có ít nhất 90% số xã được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3.

- Có 100% số huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 1.

- Có 100% số huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2.

- Có 100% số huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3.

- Có ít nhất 90% số huyện được công nhận đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1.

- Có 100% số huyện được công nhận đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

### **3. Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ**

**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Đơn vị cấp xã lập hồ sơ đề nghị UBND cấp huyện kiểm tra công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

- **Bước 2:** UBND cấp huyện xem xét hồ sơ và kiểm tra đơn vị cấp xã.

- **Bước 3:** UBND cấp huyện ra quyết định công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ đối với xã nếu đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị định số 20/2014/NĐ-CP.

**b) Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước hoặc thông qua hệ thống bưu điện.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- **Thành phần hồ sơ:**

+ Phiếu điều tra phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

+ Sổ theo dõi phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

+ Danh sách trẻ em hoàn thành chương trình giáo dục mầm non (đối với phổ cập giáo dục mầm non); danh sách học sinh hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học (đối với phổ cập giáo dục tiểu học; danh sách học sinh tốt nghiệp THCS, danh sách học sinh có chứng chỉ nghề (đối với phổ cập giáo dục trung học cơ sở); danh sách học viên được công nhận biết chữ theo các mức độ (đối với xóa mù chữ) theo đúng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 26 Nghị định số 20/2014/NĐ-CP.

Hồ sơ đề nghị công nhận xã đạt chuẩn bao gồm:

+ Báo cáo quá trình thực hiện và kết quả phổ cập giáo dục hoặc xóa mù chữ kèm theo các biểu thống kê;

+ Biên bản tự kiểm tra phổ cập giáo dục hoặc xóa mù chữ.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** UBND cấp xã

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** UBND cấp huyện.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ đối với xã.

**h) Lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Hoàn thành chương trình giáo dục mầm non.
- Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi đến lớp đạt ít nhất 95%; đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 90%;
- Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%.
- Đối với cá nhân: Hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học.
- Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 90%;
- Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%.
- Bảo đảm tiêu chuẩn công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 1;
- Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 95%;
- Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.
- Đối với cá nhân: Được cấp bằng tốt nghiệp trung học cơ sở.
- Bảo đảm tiêu chuẩn công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 1 và tiêu chuẩn công nhận đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1;



- Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tốt nghiệp trung học cơ sở đạt ít nhất 80%, đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%.
- Bảo đảm tiêu chuẩn công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 1;
- Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tốt nghiệp trung học cơ sở đạt ít nhất 90%, đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%.
- Bảo đảm tiêu chuẩn công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2;
- Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tốt nghiệp trung học cơ sở đạt ít nhất 95%, đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 90%;
- Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp đạt ít nhất 80%, đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%.
- Người đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: Hoàn thành giai đoạn 1 chương trình xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ hoặc hoàn thành lớp 3 chương trình giáo dục tiểu học.
- Người đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: Hoàn thành giai đoạn 2 chương trình xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ hoặc hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học.
- Có ít nhất 90% số người trong độ tuổi từ 15 đến 35 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 1; đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có ít nhất 90% số người trong độ tuổi từ 15 đến 25 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 1.
- Có ít nhất 90% số người trong độ tuổi từ 15 đến 60 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2; đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có ít nhất 90% số người trong độ tuổi từ 15 đến 35 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

